

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/DS - ST

Ngày: 20/5/2021

*V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay
tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Minh Trí.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Hồng;
2. Bà Trần Ngọc P1.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nga – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 207/2020/TLST-DS ngày 12/10/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐST-DS ngày 17/3/2021, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ông Võ Anh M, sinh năm 1989; trú tại: Số 98, khu phố HT, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

2/ Bị đơn:

1.1/ Ông Trần Văn X, sinh năm 1962; trú tại: Số nhà 42/2B, khu phố BG, phường TG, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

1.2/ Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1965; trú tại: Số nhà 42/2B, khu phố BG, phường TG, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Kim P: Ông Trần Thành T, sinh năm 1988; trú tại: 49/8, khu phố BG, phường TG, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (văn bản ủy quyền ngày 14/12/2020), vắng mặt.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Thanh P1, sinh năm 1987; trú tại: Số 98, khu phố HT, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đơn khởi kiện đề ngày 19/9/2020, nguyên đơn – ông Võ Anh M trình bày:

Giữa ông M và ông Trần Văn X, bà Nguyễn Thị Kim P có mối quan hệ quen biết nhau.

Từ trước năm 2017, ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị Kim P có vay tiền của ông M để làm ăn. Những lần vay trước đây, ông X và bà P có trả đủ tiền gốc và tiền lãi đúng thời hạn.

Ngày 30/8/2017, ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị Kim P tiếp tục vay của ông M số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, thời hạn vay là 5 tháng, tiền lãi trả vào ngày cuối cùng của mỗi tháng.

Sau khi vay, ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị Kim P không trả tiền gốc và lãi suất theo thỏa thuận.

Ông M khởi kiện yêu cầu ông X và bà P trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính 30/8/2017 đến 30/8/2020 là 120.000.000 đồng.

Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là:

- Giấy mượn tiền ngày 30/8/2017.

Sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị Thanh P1 trình bày:

Bà P1 là vợ ông M. Việc ông M cho vợ chồng P, X vay tiền bà P1 có biết. Số tiền ông M cho vay là tiền chung vợ chồng. Số tiền cho vay là 200.000.000 đồng. Việc cho vay tiền có lập giấy mượn tiền, có chữ ký các bên, thời hạn vay là 5 tháng kể từ ngày 30/8/2017, lãi suất thỏa thuận 20%/tháng, bên vay không thế chấp tài sản gì. Từ khi vay đến nay vợ ông X và bà P chưa trả khoản tiền nào. Bà P1 thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị Thanh P1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn – ông Trần Văn X và đại diện theo ủy quyền của bị đơn - bà Nguyễn Thị Kim P là ông Trần Thành T vắng mặt lần 2 đối với việc xét xử.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả tiền nợ vay nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố BG, phường TG, thành phố T, tỉnh Bình Dương nên theo điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

quy định về thẩm quyền giải quyết thuộc về Tòa án nơi bị đơn cư trú. Do vậy, Tòa án nhân dân thành phố T là Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

[3] Về thời hiệu: Đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng nên theo quy định Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thời hiệu giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết quyền lợi mình bị xâm phạm. Thời điểm bị đơn không trả tiền là thời điểm quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm phạm 30/01/2018. Ngày 19/9/2020 ông M khởi kiện. Như vậy từ ngày 31/01/2018 đến ngày 19/9/2020 chưa vượt quá 3 năm nên còn thời hiệu khởi kiện.

[3] Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với việc xét xử nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Ông M khởi kiện ông X và bà P yêu cầu trả 200.000.000 đồng tiền nợ vay. Chứng cứ nguyên đơn xuất trình là giấy mượn tiền ngày 30/8/2017. Xét giấy mượn tiền ngày 30/8/2017, thấy rằng: Giấy mượn tiền thể hiện rõ nội dung ngày 30/8/2017, ông X và bà P có vay của ông Trần Văn X số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay là 5 tháng, có chữ ký của ông X và bà P nên xác định lời trình bày của nguyên đơn là có căn cứ.

Mặt khác, sau khi nhận thông báo thụ lý vụ án ông X và bà P không có văn bản trình bày ý kiến về việc khởi kiện của nguyên đơn. Nhưng biên bản đối chất giữa ông M, bà P1 và ông Tân là đại diện theo ủy quyền của bà P xác định chữ ký và chữ viết trong giấy mượn tiền ngày 30/8/2017 là của ông X và bà P nhưng ông X và bà P không nhận số tiền 200.000.000 đồng từ ông M mà số tiền 200.000.000 đồng là tiền lãi của 1 tháng vay của số tiền 3,8 tỷ đồng (ông X và bà P vay của mẹ ông M). Do trễ hạn trả tiền lãi và không có tiền trả nên ông X và bà P bị mẹ của ông M ép viết giấy mượn tiền nêu trên. Tuy nhiên bị đơn không đưa ra được chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả 200.000.000 đồng tiền nợ vay.

Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi 20%/năm đối với số tiền trên kể từ thời điểm 30/8/2017, xét thấy: giấy mượn tiền hai bên thỏa thuận không lãi suất nên theo quy định tại Khoản 1, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm thì nguyên đơn chỉ được yêu cầu trả lãi theo mức lãi suất do ngân hàng quy định đối với thời gian chậm trả. Với yêu cầu 20%/năm là không có cơ sở chấp nhận mà chỉ chấp nhận mức lãi suất 10%/năm. Thời gian chậm trả kể từ ngày 31/01/2018 đến ngày xét xử với mức lãi suất 10%/năm

Từ 31/01/2018 đến 20/05/2021 là 3 năm 3 tháng 29 ngày.

Tiền lãi:

$200.000.000 \text{ đồng} \times 3 \text{ năm } 3 \text{ tháng } 29 \text{ ngày} \times 10\%/\text{năm} = 66.344.666 \text{ đồng}.$

Tổng tiền lãi và tiền gốc:

$200.000.000 \text{ đồng} + 66.344.666 \text{ đồng} = 266.344.666 \text{ đồng}.$

[5] Từ những nhận định nêu trên xét thấy có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi 120.000.000 đồng, nhưng chỉ chấp nhận 66.344.666 đồng nên nguyên đơn phải chịu án phí tương ứng với số tiền 53.655.334 đồng.

Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Võ Anh M về việc Tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị Kim P và ông Trần Văn X

Buộc ông Trần Văn X và bà Nguyễn Thị Kim P trả cho ông Võ Anh M số tiền 266.344.666 đồng (hai trăm sáu mươi sáu triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi số tiền 53.655.334 đồng (năm mươi ba triệu sáu trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm ba mươi bốn) tiền lãi suất.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 2.682.767 (hai triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn bảy trăm sáu mươi bảy) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Hoàn trả cho ông M số tiền 6.317.233 đồng (sáu triệu ba trăm mười bảy nghìn hai trăm ba mươi ba) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0047438 ngày 09/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bị đơn phải chịu 13.317.233 đồng (mười ba triệu ba trăm mười bảy nghìn hai trăm ba mươi ba).

4. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Chánh án (để báo cáo);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Huỳnh Minh Trí